

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2018



THÔNG TIN CHUNG

MỤC LỤC

MỤC LỤC

- 1 TỔNG QUAN CÔNG TY
- 16 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
- 30 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 36 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 42 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 48 QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 56 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304484232 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 01/08/2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 29/09/2016

Vốn điều lệ: 48.633.860.000 đồng

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: (028) 38940914

Số fax: (028) 38941668

Website: <http://www.agtex28-1.com>

Email: Agtex281@agtex28-1.com

Mã cổ phiếu: AG1

1991

Công ty cổ phần 28.1 tiền thân là Cơ sở 1- Xí nghiệp may X 28 –Tổng cục Hậu cần, được thành lập ngày 02/12/1991, có trụ sở tại số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Công ty chuyên sản xuất quân phục cho các quân, binh chủng trong quân đội theo nhiệm vụ cấp trên giao và chuyên sản xuất veston nam cao cấp xuất đi thị trường Tây Âu, Nhật và Mỹ. Sản lượng sản xuất Bộ sản phẩm Veston nam cao cấp hiện nay của Công ty đạt gần 1 triệu sản phẩm veston/

1992

Đổi tên thành Xí nghiệp may 28.1.

1998

Đổi tên thành Xí nghiệp May 1- Công ty 28.

2006

Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng đã ra quyết định chuyển Xí nghiệp 1 thuộc Công ty 28 - Tổng cục Hậu cần thành Công ty TNHH một thành viên 28.1.

2015

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 04/06/2015 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên 28.1 thuộc Tổng cục hậu cần - Bộ Quốc phòng, Công ty đã đánh giá tài sản, xây dựng Phương án cổ phần hóa công ty cổ phần.

2016

Ngày 30/5/2016, Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV 28.1 thuộc Tổng Công ty 28 thành Công ty cổ phần;
Ngày 04/07/2016, Công ty đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Công ty cổ phần chứng khoán Quân đội – MBS Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất vào ngày 24/9/2016. Ngày 29/09/2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 thay đổi lần thứ 3 ngày 29/09/2016 và chính thức .hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 30/09/2016 với số vốn điều lệ là 48.633.860.000 đồng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

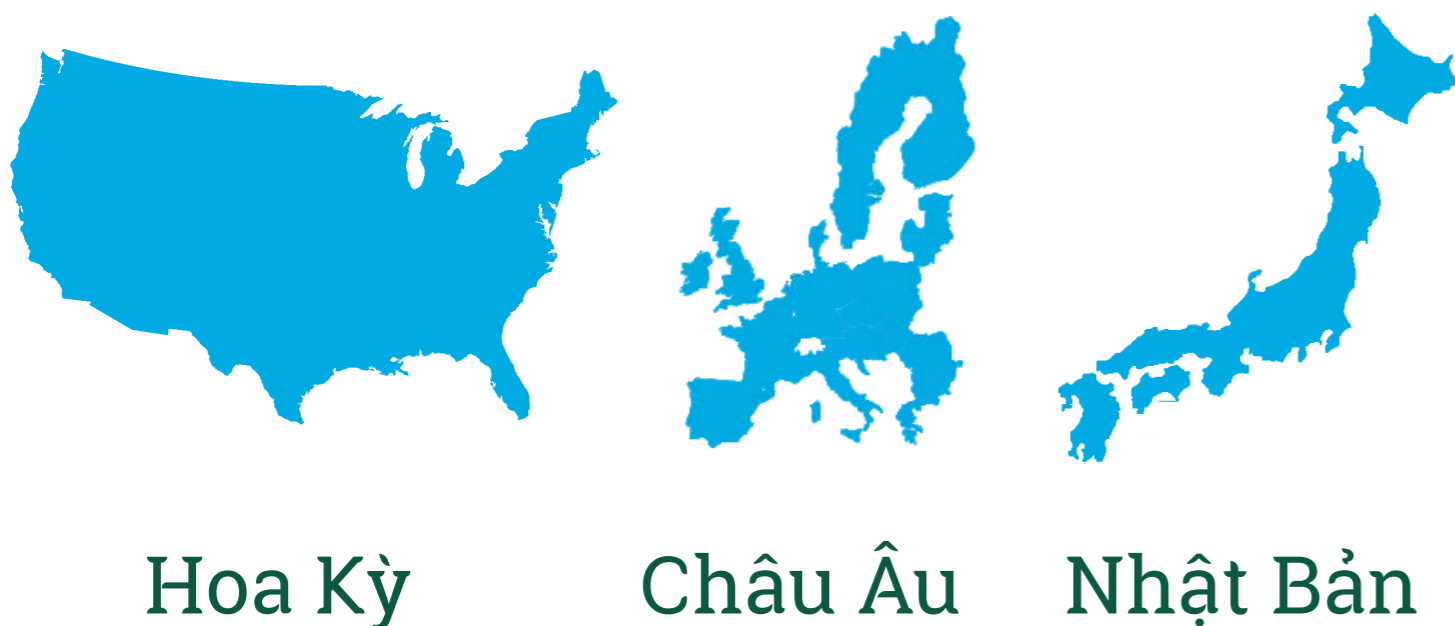
Công ty chuyên sản xuất hàng may mặc:

- Bộ Veston Nam
- Quần Tây
- Jile (waitcoat)

Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán nguyên phụ liệu ngành may;



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Thị trường chính là Mỹ, EU, Nhật Bản,...

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, phù hợp qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

HỌC TẬP

- Thường xuyên học tập, rèn luyện phát huy tốt bản chất, truyền thống, kỷ luật của quân đội trong mọi hoạt động của đơn vị. Lời nói đi đôi với việc làm.
- Thường xuyên học tập và phát triển để thích ứng nhanh với những sự thay đổi của môi trường kinh doanh và nhu cầu của khách hàng, thị trường.
- Công ty thường xuyên tạo điều kiện, đào tạo và hỗ trợ việc học tập cho CB-CNV coi đây là một yếu tố quyết định sự thành công của Công ty.
- Học tập tự giác để rèn luyện nhân cách, nâng cao chuyên môn và làm chủ công nghệ.

CHẤT LƯỢNG

- Thỏa mãn tốt nhất các nhu cầu của khách hàng thông qua việc tiên đoán và đo lường các nhu cầu, sở thích của khách hàng.
- Gắn bó với khách hàng và nhà cung cấp, tạo ra sự hợp tác chặt chẽ, hiệu quả trong nội bộ cũng như đối với các đối tác bên ngoài với những tiêu chuẩn mới, cao hơn.
- Liên tục tìm kiếm những giải pháp sáng tạo để liên tục hoàn thiện và nâng cao năng suất, chất lượng.
- Chất lượng sản phẩm và dịch vụ được quyết định bởi tính chuyên nghiệp và tinh thần kinh doanh. Cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty luôn quan tâm tới việc nâng cao tính chuyên nghiệp, tinh thần kinh doanh để liên tục hoàn thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thỏa mãn tốt nhất các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.



TINH THẦN KINH DOANH

- Tất cả các thành viên luôn tích cực, chủ động, lao động sáng tạo và đạt hiệu quả cao, không trông chờ và ỷ lại cấp trên.
- Phát huy tới đa quyền tự chủ của mọi thành viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho tất cả các thành viên phát triển để đạt tới những thành tích bền vững. Kết quả và hiệu quả công việc là tiêu chuẩn cao nhất trong đánh giá năng lực của từng thành viên.
- Sáng kiến, sáng tạo, đổi mới phải trở thành phong cách sống và hành động hàng ngày của mỗi CBCNV trong công ty. Công ty luôn trân trọng và tạo mọi điều kiện để tất cả các thành viên tham gia vào quá trình đổi mới, sáng tạo. Những đóng góp của sự sáng tạo và đổi mới vào kết quả và hiệu quả kinh doanh được trân trọng và thưởng thỏa đáng.



ĐỒNG ĐỘI

- Đoàn kết, gắn bó, làm việc đồng đội, tích cực, nhiệt tình tham gia các hoạt động chung vì sự phát triển bền vững của toàn đơn vị cũng như của từng thành viên. Xây dựng mối đoàn kết gắn bó trong nội bộ công ty như trong một mái nhà chung.
- Gắn bó chặt chẽ với khách hàng và nhà cung cấp tạo ra sự cộng hưởng trong nội bộ cũng như với các đối tác bên ngoài.
- Quan tâm tới con người, luôn tôn trọng con người, chăm sóc và thỏa mãn tốt nhất nhu cầu và lợi ích của từng thành viên.
- Hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ đồng thời thách thức lẫn nhau thực hiện ở mức cao hơn với những giải pháp sáng tạo và hiệu quả hơn. Tất cả các hoạt động trong từng đơn vị, giữa các đơn vị trong nội bộ công ty và bên ngoài công ty được thực hiện phải trở thành những đội vô địch. Thể hiện tinh thần đồng đội cao và phong cách chuyên nghiệp trong làm việc đồng đội.
- Luôn luôn giữ vững và phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây". Tích cực làm công tác xã hội và trở thành thành viên tốt trong cộng đồng.

THÀNH CÔNG

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, thực hiện hài hòa 03 lợi ích "Công ty, Người lao động và Cổ đông".
- Tôn trọng và thực hiện tốt các cam kết với khách hàng là tiêu chuẩn số một để đo lường đánh giá các hoạt động của từng bộ phận và cá nhân trong đơn vị.
- Luôn đầu tư về thị trường, sản phẩm và dịch vụ với giá cả cạnh tranh trong những thị trường mà công ty tham gia.
- Giữ vững và mở rộng thị phần: thỏa mãn tốt nhất các yêu cầu của khách hàng hiện tại và mở rộng sang thị trường, khách hàng mới cũng như các ngành nghề mới có lợi thế và tiềm năng.
- Thành công và sự phát triển bền vững của Công ty cũng như thành công của các đối tác bao gồm khách hàng, nhà cung cấp và những nhân vật khác có liên quan.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2018 là một năm biến động của nền kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong đầu năm 2018, tuy nhiên vào thời gian còn lại của năm, những xung đột thương mại, cũng như bất bình ổn chính trị của các nước lớn đã làm xấu đi một phần bức tranh nền kinh tế toàn cầu năm 2018.

Năm 2018 kinh tế Việt nam tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế- xã hội mà Quốc hội đề ra. Tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,08% mức cao nhất sau khủng hoảng tài chính cách đây 10 năm. Các khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phục hồi rõ rệt, tăng trưởng khu vực dịch vụ đạt 7,3% - mức cao nhất trong cùng thời kỳ kể từ năm 2010. Cán cân thương mại hàng hóa được cải thiện. Ngoài ra Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại quan trọng đã được ký kết thời gian qua và chuẩn bị có hiệu lực. Với 16 hiệp định FTA đã và đang được đàm phán ký kết, 10 hiệp định FTA đã có hiệu lực.

Với những yếu tố đó, thị trường Việt Nam ngày càng thu hút nhiều các nhà đầu tư nước ngoài, gia tăng cạnh tranh trong ngành. Ngoài ra lạm phát trong năm tăng cao ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, khiến doanh nghiệp phải bổ sung thêm vốn cũng như chi phí đầu vào bị biến động giá cả dẫn tới ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sinh lời của AGI.

Để hạn chế những rủi ro của nền kinh tế, AGI luôn đề ra những chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm đáp ứng với những sự thay đổi của nền kinh tế.

RỦI RO PHÁP LÝ

Do đặc thù là Công ty hoạt động trong ngành xuất khẩu hàng dệt may nên Công ty chịu sự chi phối của Luật Quốc tế và các chính sách quy định đối với ngành dệt may. Sự thay đổi các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến ngành dệt may và Luật quốc tế đều ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và toàn ngành dệt may nói chung.

Ngoài ra doanh nghiệp còn là Công ty Cổ phần nên hoạt động cũng chịu tác động lớn từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán về hoạt động công bố thông tin.

Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn phân công theo dõi các thay đổi về chính sách để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Nguồn cung lao động

Đặc thù của mảng kinh doanh dệt may là cần nguồn lao động rất lớn, đặc biệt là khâu sản xuất hàng may mặc. Điều đó đặc biệt đúng với TCM khi sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường đòi hỏi phải đáp ứng nhiều yêu cầu rất khắt khe nên nhân lực chất lượng cao lại càng có vai trò quan trọng. Để duy trì nguồn nhân công hiện tại, Công ty cũng thường xuyên đối mặt với không ít khó khăn khi nhân công có thể bị thu hút bởi các công ty đối thủ hoặc các doanh nghiệp dệt may có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang ồ ạt đầu tư vào thị trường Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI có lợi thế hơn hẳn so với các doanh nghiệp nội địa do có nguồn vốn rất dồi dào.

Để duy trì người lao động tại AGI, Công ty đã nỗ lực nâng cao chính sách đãi ngộ, lương thưởng, phúc lợi, đồng thời được sự đồng hành, hỗ trợ rất tích cực của các cấp Công đoàn cũng là một yếu tố góp phần ổn định nguồn lao động tại Công ty. Ngoài ra, đại bộ phận người lao động của Công ty đều là những người làm việc lâu năm tại Công ty nên rủi ro biến động lao động là thấp. Đồng thời, để chuẩn bị cho đội ngũ nhân lực kế cận, từ năm 2010 AGI đã thực hiện chương trình quản trị viên tập sự bằng cách tuyển dụng sinh viên năm cuối có thành tích học tập tốt từ các trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đào tạo và phát triển từ kinh nghiệm, kỹ năng đến tri thức, đây sẽ là nguồn nhân lực nền tảng cho sự phát triển dài hạn của Công ty.

Nguyên vật liệu

Hầu hết nguồn nguyên liệu tại thị trường Việt Nam là nguyên liệu nhập khẩu do nguồn cung trong nước không đủ nguồn cung ứng và/hoặc không đáp ứng được chất lượng. Do vậy, bất kì biến động nào của giá nguyên liệu cũng tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông thường, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 65%-70% trong cơ cấu chi phí của AGI, do vậy tác động rất rõ đến biên lợi nhuận gộp của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty còn chịu rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, v.v... đây là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của công ty. Theo đó, để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về PCCC và mua bảo hiểm tất cả tài sản, con người của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ TH/ KH 2018
Doanh thu	465,550	390,000	391,285	0,329%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	10,503	10,500	10,581	0,77
Vốn điều lệ	48,634	48,634	48,634	100
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	21.6%	21.59%	21.76%	0,787
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	2.26%	2.69%	2.70%	0,37

Hiện nay ngành dệt may có nhiều thuận lợi khi nhiều hiệp định thương mại được ký kết, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung làm các đơn hàng từ Trung Quốc chuyển sang Việt Nam.... Nhưng cùng kèm theo nhiều khó khăn cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt; nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng không tăng, cụ thể tổng cầu thế giới về dệt may chỉ tăng 1-2% thậm chí không thay đổi; các Công ty xuất khẩu gặp khó khăn khi bị áp dụng quy tắc xuất xứ, trong khi dệt may Việt nam nhập khẩu đến 80% nguyên phụ liệu.

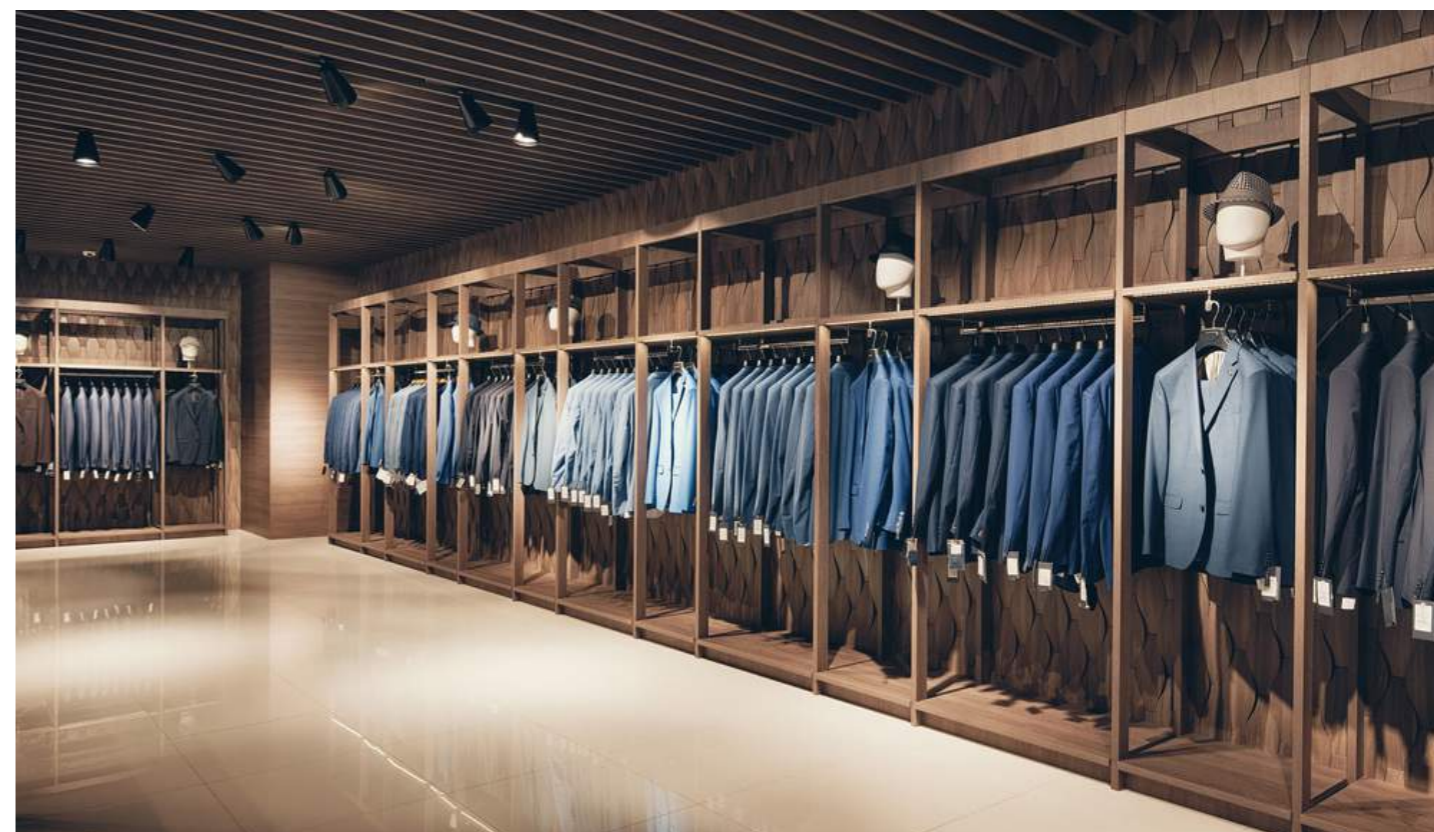
Trước những thuận lợi và khó khăn, Công ty đạt kết quả kinh doanh như sau: doanh thu đạt 391,285 tỷ đồng, tăng 0,33% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 10,581 triệu đồng, tăng 0,77%. Mặc dù doanh thu trong năm 2018 giảm 15,95% so với năm 2017 nhưng lợi nhuận trước thuế lại tăng 0,77%. Trong năm Công ty đã đưa ra nhiều chính sách quản lý chi phí và đã cho thấy hiệu quả rõ rệt.

DVT: đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hàng xuất khẩu	447,169,234,328	96.05%	349,156,105,966	89.23%
Doanh thu hàng kinh tế	14,222,728,357	3.06%	37,273,944,114	9.53%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,434,922,213	0.31%	1,792,116,510	0.46%
Doanh thu hoạt động tài chính	2,630,876,687	0.57%	2,349,243,676	0.60%
Thu nhập khác	92,136,364	0.02%	713,513,584	0.18%
Tổng cộng	465,549,897,949	100.00%	391,284,923,850	100.00%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Triển khai đầu tư theo kế hoạch năm 2018 đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngay từ đầu năm, thực hiện đầu tư 3.826 triệu đồng.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức Vụ	Ghi chú
Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)	
Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch HĐQT	Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên HĐQT	
Nguyễn Hữu Phước	Thành viên HĐQT	
Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT	Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Quyết Thắng- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	14/04/1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28, Tổng Giám đốc Công ty CP 28 Đà Nẵng
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu đại diện: 1.580.601CP, chiếm 32,50%VĐL
Quá trình công tác	04/2007 - 03/2012: Trưởng Phòng KHTH Công ty CP 28 Hưng Phú 04/2012 - 07/2016: Tổng Giám đốc Công ty CP Bình Phú 08/2016 - 12/2016: Phó Phòng KHTH Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 01/2017 - 07/2017: Trưởng Phòng KHTH Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 08/2017 - 12/2017: Trưởng Phòng KHKD Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 01/2018 - 02/2018: Tổng Giám đốc Công ty CP 28 Đà Nẵng 03/2018 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP 28 Đà Nẵng

Ông Trần Doãn Thoan – Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	07/10/1968
Trình độ chuyên môn	Đại học SP Kỹ thuật, chuyên ngành may
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 52.800CP, chiếm 1,08%VĐL Sở hữu đại diện: 948.360CP, chiếm 19,50%VĐL
Quá trình công tác	10/1988 - 12/1991: Nhân viên Kỹ thuật XN May X 28 01/1992 - 04/2010: Phó Phòng Kỹ thuật; TP Kỹ thuật – Công ty 28.1 – Tổng Công ty 28 05/2010 - 02/2013: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28 03/2013 - 09/2016: Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28 24/09/2016 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần 28.1

Ông Nguyễn Vĩnh Long - Thành viên HĐQT

Năm sinh	06/12/1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân tin học
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 100.300CP, chiếm 2,06%VĐL Sở hữu đại diện: 316.120CP, chiếm 6,50%VĐL
Quá trình công tác	07/2000 - 10/2002: NV IT ban CNTT – Công ty 32 – Tổng cục Hậu cần 11/2002 - 09/2009: Trưởng ban CNTT Công ty cổ phần 32 – TCHC – BQP 10/2009 - 09/2012: Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp 10/2012 - 10/2013: Phó Phòng Kinh doanh Tổng Công ty 28 11/2013 - 09/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1 Tổng Công ty 28 24/09/2016 - Nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP 28.1

Bà Nguyễn Thị Hồng Trang - Thành viên HĐQT

Năm sinh	17/10/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Ngoại Ngữ
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 11.800CP, chiếm 0,24%VĐL Sở hữu đại diện: 316.120CP, chiếm 3,25%VĐL
Quá trình công tác	08/2000 - 12/2004: Nhân viên Dinh Thống Nhất tại TP. HCM 12/2004 - 09/2009: Nhân viên Phòng NCPT & ĐT Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP 09/2009 - 08/2014: Nhân viên Phòng Chính trị Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP 08/2014 - 09/2016: Phó Phòng KH; sau đó làm Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28 24/09/2016 - Nay: Thành viên HĐQT, Trưởng P. Kế hoạch CTCP 28.1

Ông Nguyễn Hữu Phước - Thành viên HĐQT

Năm sinh	09/12/1976
Trình độ chuyên môn	Đại học TCKT
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 60.400CP, chiếm 1,24%VĐL Sở hữu đại diện: 316.120CP, chiếm 3,25%VĐL
Quá trình công tác	01/1999 - 05/2000: Nhân viên XNK Công ty TNHH TMDV Sơn Hà 01/1999 - 05/2000: Nhân viên TCKT Xí nghiệp 2 và PTCKT Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP 03/2012 - 02/2013: Phó Phòng Đầu tư phát triển và nghiệp vụ Công ty Xăng dầu – Tổng Công ty 28 03/2013 - 06/2014: Trưởng phòng Kế toán – Hậu cần Công ty Xăng dầu – Tổng Công ty 28 07/2014 - 09/2016: KTT kiêm TP.TCKT Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28 24/09/2016 - Nay: Thành viên HĐQT, KTT kiêm TP.TCKT CTCP 28.1

BAN GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức Vụ	Ghi chú
Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Phước	Kế toán trưởng	

Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Phó Giám đốc

Năm sinh	09/04/1973
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00% VĐL
Quá trình công tác	06/1995 - 04/1998: Tổ phó SX tại XN 3 – Công ty 28 05/1998 - 12/2006: Tổ trưởng SX tại XN 3 – Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP 01/2007 - 03/2007: Phó Quản đốc xưởng – CTCP Bình Phú – Tổng Công ty 28 04/2007 - 06/2012: Quản đốc xưởng – CTCP Bình Phú – Tổng Công ty 28 07/2012 - 02/2016: P. Tổng Giám đốc – CTCP Bình Phú – Tổng Công ty 28 03/2016 - 10/2016: P. Giám đốc – XN May Do Quân Đội - Tổng Công ty 28 11/2016 - 06/2017: Giám đốc – XN May Do Quân Đội - Tổng Công ty 28 07/2017 - Nay: P. Giám đốc – CTCP 28.1

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức Vụ	Ghi chú
Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng ban	
Ông Lê Văn Thanh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)

Ông Lữ Công Thịnh – Trưởng ban Kiểm soát	
Năm sinh	23/07/1976
Trình độ chuyên môn	Đại học TCKT
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Phòng TCKT Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân : 20.000 CP, chiếm 0,4%VDL
Quá trình công tác	02/1998 - 10/2009: Nhân viên kế toán Tổng công ty 28 11/2009 - 02/2014: Kế toán trưởng CTCP 28 Hưng Phú Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP 03/2014 - 23/09/2016: Phó Phòng TCKT Tổng Công ty 28 24/09/2016 - Nay: Phó Phòng TCKT Tổng Công ty 28 kiêm Trưởng Ban kiểm soát

Ông Lê Văn Thanh – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	03/11/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Nhân viên Phòng TCKT Công ty Xăng dầu 28 - Tổng Công ty 28
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00% VDL
Quá trình công tác	2001 - 2006: KTT Công ty CP Công nghệ mới Sông Lam 2007 - 2010: Nhân viên Phòng TCKT Công ty CP 28 Hưng Phú 01/2011 - 11/2011: Nhân viên Phòng TCKT Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 12/2011 - Nay: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Xăng dầu 28 - Tổng Công ty 28

Ông Nguyễn Thanh Định – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	01/01/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Nhân viên Phòng TCKT Công ty CP 28 Hưng Phú
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00% VDL
Quá trình công tác	05/1999 - 12/1999: Nhân viên Phòng TCKT Xí nghiệp 2 - Công ty 28 2000 - 2006: Nhân viên Phòng HCHC Xí nghiệp 2 - Công ty 28 2007 - 06/2009: Nhân viên Phòng KHTH Công ty CP 28 Hưng Phú 07/2009 - Nay: Nhân viên Phòng TCKT Công ty CP 28 Hưng Phú

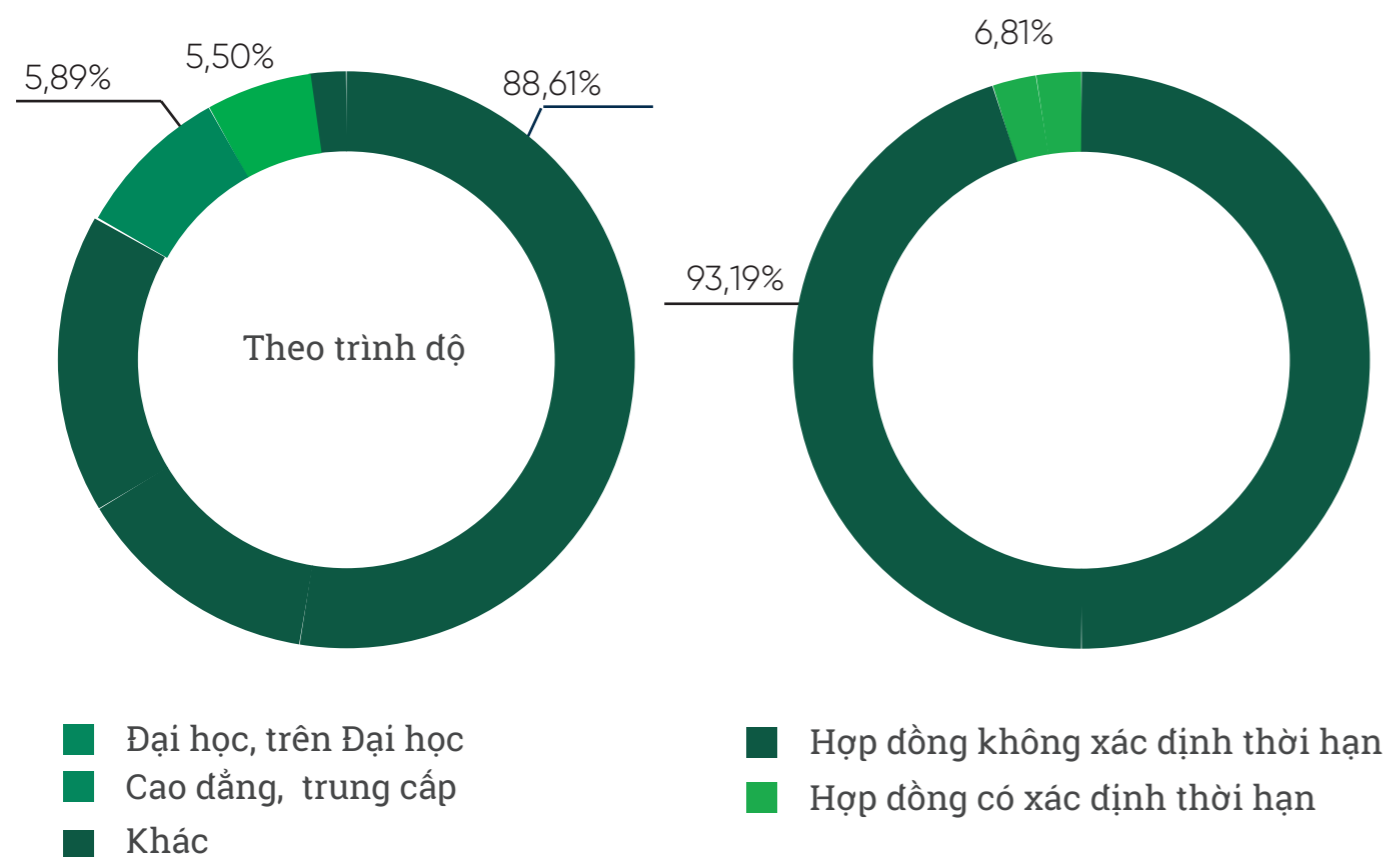
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Họ tên	Chức vụ	Thay đổi nhân sự
I. Hội đồng quản trị		
Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
II. Ban Kiểm soát		
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
Bà Trần Thị Lê	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
Ông Lê Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2018 là 764 người được phân loại như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	764	100,00
1	Đại học, trên Đại học	42	5,50
2	Cao đẳng, trung cấp	45	5,89
3	Khác	677	88,61
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	764	100,00
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	712	93,19
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	52	6,81



CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách phúc lợi

Chính sách phúc lợi: Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và phòng chống độc hại cho người lao động. Mỗi năm đều tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát trong nước hoặc nước ngoài. Tham gia các hoạt động xã hội như giúp đỡ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn nghệ.

Chính sách lương, thưởng

Chính sách lương, thưởng: Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng chính sách lương thông qua hồ sơ giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc, từ đó tạo động lực, khuyến khích người lao động cải tiến và nâng cao hiệu suất làm việc.



Mức tiền lương bình quân của NLD qua các năm:

TT	Năm	Mức lương bình quân
1	2015	8.403.262
2	2016	8.891.770
3	2017	9.023.181
4	2018	9.212.357



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2017	% tăng giảm
1	Vốn chủ sở hữu	57.003	49.723	14,6%
2	Doanh thu thuần	388,222	462,827	-16,1%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.867	10.411	-5,2%
4	Lợi nhuận khác	714	92	676,1%
5	Lợi nhuận trước thuế	10.581	10.503	0,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	8.465	8.402	0,7%

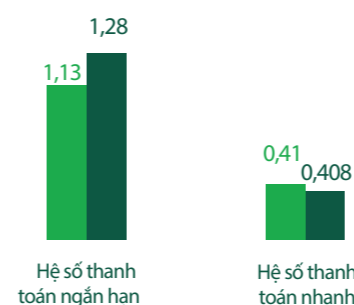
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,408	0,41
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60,86	66,26
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	155,52	196,39
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,64	5,20
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,67	3,14
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,18	1,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	14,85	16,90
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,81	5,70
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,54	2,25



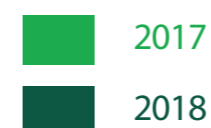
Về khả năng thanh toán

Năm 2018, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty tăng so với năm 2017: cụ thể đạt 1,28 lần tăng 13,27% so với năm 2017. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng là do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 2.720 triệu đồng tương đương tăng 2,47% so với cùng kỳ, và nợ ngắn hạn của Công ty giảm 8.995 triệu đồng giảm 9,22% so với năm 2017. Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu do khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm, cụ thể giảm 40,10% so với năm 2017. Nguyên nhân khoản phải trả người bán giảm là do nguồn hàng trong năm không ổn định, mặt hàng cao cấp và thị trường nội địa không tiêu thụ nhiều, ngoài ra Công ty đang tự phát triển nguồn phụ liệu. Do đó trong năm Công ty mua nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ giảm so với năm 2017 và đến hạn thanh toán cho nhà cung cấp làm khoản phải trả người bán giảm.

Hệ số thanh toán nhanh giảm không đáng kể so với năm ngoái.

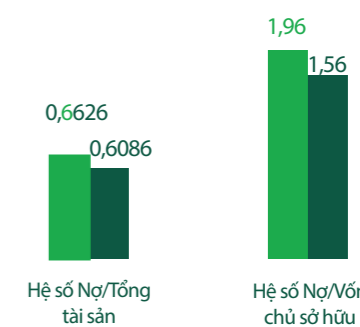


CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

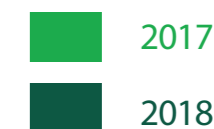


Về cơ cấu vốn

Nhìn chung, trong năm 2018 các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty giảm so với năm 2017. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản là 60,86% và Nợ/Vốn chủ sở hữu là 155,52%. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm do trong năm Công ty mua nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ giảm so với năm 2017 và đến hạn thanh toán cho nhà cung cấp làm khoản phải trả người bán giảm, cụ thể giảm 40,10% so với cùng kỳ. Ngoài ra Tổng tài sản giảm nhưng không đáng kể, cụ thể giảm 1.720 triệu đồng tương ứng giảm 1,17% so với năm 2017. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm do Nợ phải trả giảm 9,22% và Vốn chủ sở hữu tăng 14,64%. Vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 1465,8%. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng chủ yếu do Lợi nhuận sau thuế năm nay Công ty chưa thực hiện phân phối chia cổ tức với tỷ lệ 14% trong năm và chờ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 quyết định.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

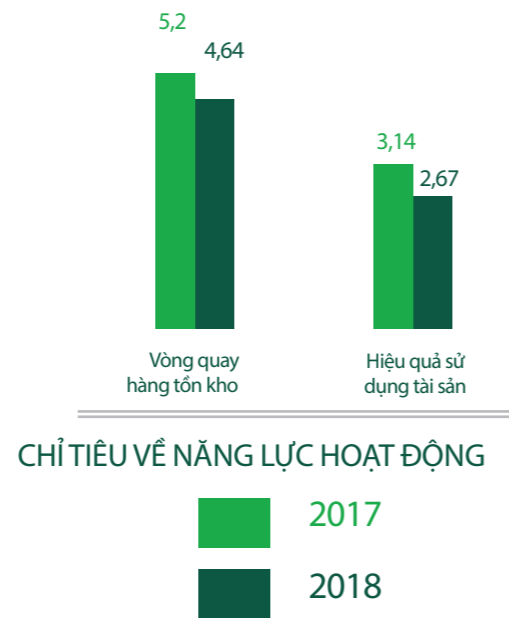




Năng lực hoạt động

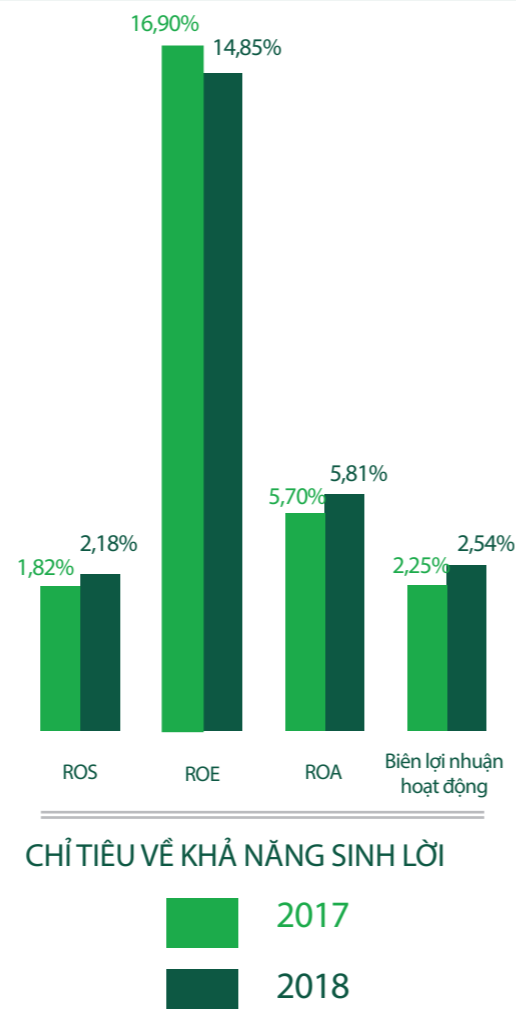
Vòng quay hàng tồn kho đã giảm từ 5,20 vòng xuống còn 4,64 vòng. Vòng quay hàng tồn kho giảm do giá vốn hàng bán giảm 18,61%, nguyên nhân là do trong năm Công ty mua nguyên liệu vật liệu và công cụ giảm ngoài ra Công ty đang tự phát triển nguồn phụ liệu.

Vòng quay tài sản cũng giảm từ 3,14 vòng còn 2,67 vòng. Nguyên nhân, trong năm 2018 khách hàng không tiếp tục ký Thỏa thuận bao chuyển như trước đây, làm cho doanh thu mãn xuất khẩu giảm. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 388.222 triệu đồng giảm 16,12% so với cùng kỳ năm trước.



Chỉ số khả năng sinh lời

Các chỉ số khả năng sinh lời đa số đều tăng so với năm trước. Cụ thể đạt 2,18%;14,85%;5,81%;2,54. Trong năm 2018, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng so với năm trước, khoản mục này tăng 0,75%. Công ty đẩy mạnh công tác quản lý, thắt chặt việc kiểm soát mọi hoạt động theo quy trình, từ đó chi phí hoạt động được giảm thiểu. Do tỷ lệ tăng của doanh thu thuần và tổng tài sản của Công ty giảm nên làm cho các hệ số về khả năng sinh lời tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Cổ phiếu đã phát hành	4.863.386 cổ phần
Cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
Cổ phiếu chuyển nhượng tự do	4.863.386 cổ phần
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước		
2	Cổ đông khác		
2.1	Cổ đông trong nước	196	100.000%
	Tổ chức	2	65.617%
	Cá nhân	194	34.383%
2.2	Cổ đông nước ngoài		
	Tổng cộng	196	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ(%)
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3,161,201	65.000%
	Tổng cộng	3,161,201	

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu : Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

- Trong tình hình khó khăn về nguồn hàng của năm 2018 do ảnh hưởng của kinh tế Mỹ và Anh ra khỏi Brexit, Công ty CP 28.1 luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Chỉ huy Tổng Công ty 28 về tìm kiếm nguồn hàng bổ sung và điều hành sx. Kết quả, Công ty CP 28.1 đã đảm bảo đủ nguồn hàng duy trì sx liên tục trong toàn Công ty, đảm bảo công ăn việc làm cho NLD, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho CB-CNV toàn Công ty.
- Trong tình hình khó khăn chung của các đơn vị ngành may, Công ty CP đã đẩy mạnh công tác quản lý, thắt chặt việc kiểm soát mọi hoạt động theo quy trình, đảm bảo đặt hàng và quá trình sx luôn sử dụng triệt để nguồn NPL sẵn có, nâng cao hiệu quả SXKD chung trong toàn đơn vị.
- Công ty đã tích cực tập trung xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO phiên bản mới 9001:2015, toàn bộ trưởng các đơn vị được tham gia đào tạo và trực tiếp xây dựng hệ thống của đơn vị mình tạo thành hệ thống chung trong toàn Công ty được thông suốt, đảm bảo tính logic và quản lý tốt hơn. Tháng 10/2018, Công ty CP 28.1 đã được cấp chứng nhận HTQLCL 9001:2015 có thời hạn từ ngày 26-10-2018 đến hết ngày 25-10-2021.
- Công ty CP 28.1 đã nhận được hỗ trợ từ Tổng công ty trong công tác tuyển dụng lao động mới, giúp tăng cường chính sách cho lao động mới vào trong tình hình lao động biến động mạnh như hiện nay.
- Tổng công ty đã phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như đề xuất của Công ty CP 28.1.



Khó khăn

- Năm 2018, khách hàng không tiếp tục ký Thỏa thuận bao chuyển như trước đây, khách Nhật mặc dù đã ký Thỏa thuận nhưng sau khi bang TOKIJ sát nhập với OSASL thành OSAYX, khách Nhật sang đàm phán lại về giá và các hình thức sx mới, chưa ký được Thỏa thuận mới.
- Cơ cấu sản phẩm của các khách hàng trong năm 2018 không như Kế hoạch đề ra: Nhật 10%; UK 15,5%; IPU 64%; gia công XK 2,2%; còn lại là khách hàng nội địa 8,3%. Như vậy, thu nhập chủ yếu của năm là hàng IPU (trị giá FOB thấp, tháng thấp điểm tháng 3 và tháng 10 không đủ hàng phải nhận thêm hàng gia công và kinh tế nội địa), ảnh hưởng mạnh đến các chỉ tiêu năm 2018.
- Lao động trong năm 2018 biến động mạnh, việc chuyển dịch cơ cấu lao động ngành may sang các ngành nghề khác như điện tử, dịch vụ ăn uống, phương tiện vận tải... tăng cao. Số lượng lao động tuyển mới không bù đủ số lượng nghỉ, lao động mới vào không muốn gắn bó vì yêu cầu chất lượng may quá cao, lao động mới tay nghề yếu không bù được năng suất cho những công nhân lành nghề nghỉ. (Năm 2018 tuyển mới 186 lao động, chấm dứt HĐLĐ 230 trường hợp, giảm 44 lao động, quân số năm 2018 đạt 790 lao động, năm 2017 là 830 lao động, giảm 4,8%. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại chỉ còn 764 lao động, giảm 66 lao động tương đương 7,8%).

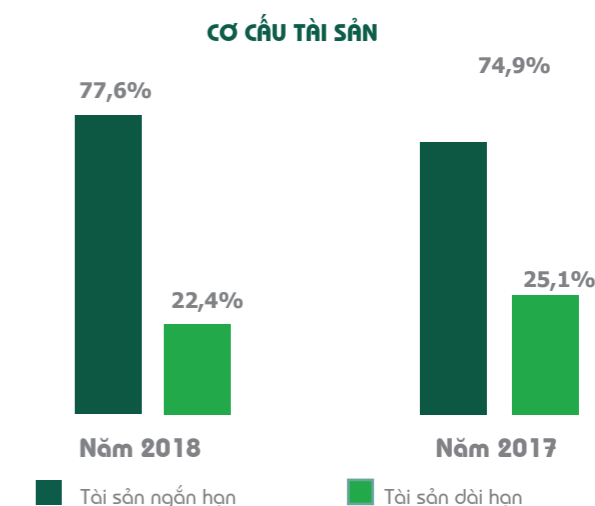


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2017
I. Tài sản ngắn hạn	113.056	110.336
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.765	3.458
2. Phải thu ngắn hạn	31.802	32.147
3. Hàng tồn kho	76.896	69.994
4. Tài sản ngắn hạn khác	592	4.737
II. Tài sản dài hạn	32.556	37.036
1. Tài sản cố định	32.556	36.966
2. Bất động sản đầu tư	-	-
3. Tài sản dở dang dài hạn	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	-	-
Tổng tài sản	145.652	147.372

Tổng tài sản năm 2018 giảm 1,17% so với năm 2017. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 2,47%, tài sản dài hạn giảm 12,1% so với năm 2017. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do hàng tồn kho tăng, cụ thể tăng 9,86% so với năm 2017. Nguyên nhân là do phụ thuộc nhiều vào kế hoạch xuất hàng của khách hàng Mỹ làm cho lượng hàng thành phẩm tồn kho nhiều. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do khấu hao. Cụ thể khấu hao trong năm đạt 6.923 triệu đồng.

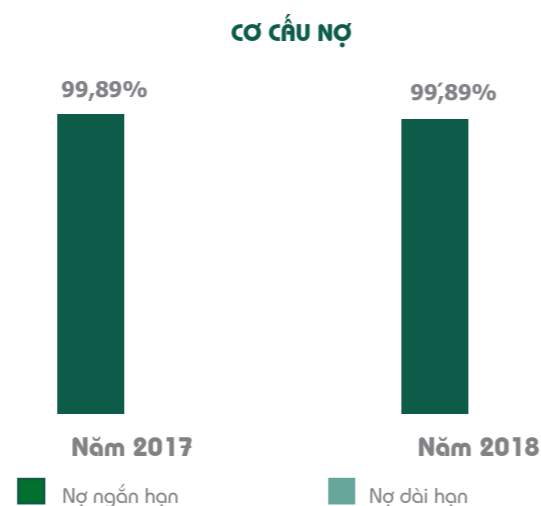


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2017
I. Nợ ngắn hạn	88.549	97.544
1. Phải trả người bán ngắn hạn	24.297	40.563
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	184
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	787	509
4. Phải trả người lao động	18.519	15.480
5. Phải trả ngắn hạn khác	1.197	10.833
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.151	3.078
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	41.548	26.761
II. Nợ dài hạn	100	105
1. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
Tổng nợ	88.649	97.649

Trong năm 2018 tổng nợ giảm 9,22% so với năm 2017, Công ty có tỷ trọng nợ ngắn hạn lớn. Trong cơ cấu nợ, hầu như không có sử dụng nợ vay dài hạn. Nguyên nhân tổng nợ giảm so với năm 2017, chủ yếu là do nguồn hàng trong năm không ổn định, mặt hàng cao cấp và thị trường nội địa không tiêu thụ nhiều, ngoài ra Công ty đang tự phát triển nguồn phụ liệu. Do đó trong năm Công ty mua nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ giảm so với năm 2017 và đến hạn thanh toán cho nhà cung cấp làm khoản phải trả người bán giảm. Cụ thể giảm 40,10% so với cùng kỳ.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019
Doanh thu	412.000 triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế	8.960 triệu đồng
Thu nhập bình quân	9.750.000 đồng/người/tháng
Năng suất bình quân 8h	11.020.000 đồng/người/tháng

Các biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

- Tiếp tục duy trì và phát huy tốt các ưu điểm và khắc phục ngay các mặt còn tồn tại trong năm 2018, tận dụng tối đa các lợi thế của Công ty về đội ngũ CB-CNV đoàn kết, nhiệt tình, trình độ chuyên môn và tay nghề cao, lợi thế về sản phẩm chủ lực (Veston nam cao cấp) và uy tín cao của Công ty đối các khách hàng về chất lượng SP, thời gian giao hàng và công tác điều hành, quản lý.
- Đầu tư bổ sung MMTB chuyên dùng (Máy mổ túi tự động, máy lập trình quay ve và quay miệng túi) trong Quý II năm 2019 để nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả SXKD năm 2019.
- Đào tạo Cán bộ, nhân viên kỹ thuật chủ động đáp ứng được yêu cầu về công tác kỹ thuật cho sản xuất. Tập trung ưu tiên triển khai sản xuất tinh gọn chắc chắn, giảm hao phí, lãng phí trên chuyền 1 cách hiệu quả. Tổ chức công tác đào tạo, huấn luyện tay nghề và đội ngũ cán bộ nhân viên kỹ thuật có trình độ đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty trong tình hình mới.
- Công ty tập trung xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ, quyết liệt, bành lao động sáng tạo, sử dụng trí tuệ tập thể để tiếp tục tăng năng suất lao động từ 6-7% giảm tăng ca bằng các biện pháp sau:
 1. Đầu tư MMTB theo kế hoạch và bổ sung sớm để tăng hiệu quả khai thác trong năm 2019.
 2. Nghiên cứu công nghệ 4,0 áp dụng vào công tác quản lý và sản xuất, thực hành chính sách tiết kiệm triệt để, tránh hao phí, lãng phí trong quá trình.
 3. Duy trì tốt việc thực hiện ISO theo phiên bản mới 9001:2015 và công tác đánh giá nhà máy của các khách hàng.
 4. Xây dựng phương án trả lương, thưởng năm 2019 hợp lý, tăng đơn giá phút công nghệ từ 105 đồng/phút lên 110 đồng/phút đối với lao động trực tiếp và trả lương theo đánh giá kết quả công việc được giao đối với lao động gián tiếp gián tiếp.
 5. Hạn chế tối đa làm ngày chủ nhật, điều chỉnh thời gian làm thêm hợp lý, giảm tỷ lệ lao động nghỉ hàng ngày còn 5% trên tổng quân số.
 6. Giảm định mức hao hụt vật tư, NPL, điện, hơi, khí nén, có chính sách thưởng hợp lý trong thực hành tiết kiệm.
 7. Nghiên cứu áp dụng việc trả lương đơn giá cho các công đoạn của Xưởng cắt, thúc đẩy năng suất đảm bảo cung cấp đủ BTP đồng bộ và BTP đạt chất lượng cho các Xưởng may.



Các biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

- Phối hợp tốt với các XN ngành dệt nhằm sử dụng vải của Tổng công ty.
- Bảo đảm hậu cần, tài chính, tiếp tục cải thiện bữa ăn ca cho người lao động để đảm bảo sức khỏe sản xuất. Triệt để duy trì vệ sinh thực phẩm ăn uống... chăm sóc sức khỏe người lao động, thực hiện tốt công tác phòng dịch bệnh, tổ chức khám sức khỏe định kỳ.
- Thực hiện tốt các biện pháp quản lý về tài chính, đảm bảo đủ nguồn vốn cho đầu tư và các hoạt động SXKD của Công ty. Xây dựng cơ quan tài chính của Công ty vững mạnh, nghiệp vụ giỏi, thực hiện tốt phong trào thi đua xây dựng "Đơn vị quản lý tài chính tốt".
- Xây dựng và thực hiện tốt các nội dung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Đặc biệt chú trọng Công tác xây dựng Đảng để thực sự nâng cao chất lượng lãnh đạo của toàn Đảng bộ, lấy đây là khâu quyết định trong công tác lãnh đạo để Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và các chỉ tiêu SXKD năm 2019, Làm tốt công tác phát triển đảng viên mới và công tác kiểm tra, giám sát Đảng, xây dựng Đảng bộ TSVM. Năm và chủ động tiến hành công tác tư tưởng, thực hiện sáng tạo, phù hợp các nội dung tuyên truyền giáo dục, Tiếp tục thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp, kiện toàn đội ngũ cán bộ.
- Tổ chức biên chế đủ, bảo đảm duy trì nghiêm các chế độ xây dựng và huấn luyện đào tạo trong Công ty. Xây dựng biên chế tổ chức công ty đủ chức danh và biên chế lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục duy trì tốt và có cơ chế khuyến khích công tác tuyển dụng lao động và giữ chân người lao động trong Công ty. Luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, giải quyết chế độ chính sách thực sự nghiêm túc, chặt chẽ đúng qui định của Nhà nước, I Quân đội nhu công tác BHXH, BHYT cho công nhân viên, thân nhân Sĩ quan, QNCS.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Môi trường – năng lượng

Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối môi trường trong quá trình sản xuất thông qua các công tác kiểm tra giám sát, của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. VST luôn thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định, tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

Tiêu thụ điện

Vấn đề biến đổi khí hậu do trái đất ngày nóng lên là mối quan tâm hàng đầu của toàn cầu. Năm 2018, giá các sản phẩm năng lượng có nhiều biến động do kinh tế thế giới bất ổn. Bên cạnh đó, nguồn cung các nguồn năng lượng không tái tạo như than, dầu mỏ, khí đốt đang dần cạn kiệt và khan hiếm khi các nước khai thác quá mức.

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, tình hình kinh tế trong nước đang dần phục hồi và tăng trưởng. Hiện tại, số doanh nghiệp đăng ký thành lập ngày càng tăng đặc biệt ở nhóm ngành công nghiệp sản xuất, nên nhu cầu sử dụng điện tăng là điều tất yếu.

Tiết kiệm năng lượng là một mục tiêu KPI mà Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra từ đầu năm yêu cầu các bộ phận có liên quan nghiêm túc thực hiện, được theo dõi liên tục thường xuyên để kiểm tra mức độ hoàn thành mục tiêu này. Kiểm soát việc sử dụng khí CNG và điện năng tiêu thụ đã giúp giảm thiểu tối đa việc lãng phí năng lượng, giảm chi phí hoạt động của Công ty.

Tiêu thụ nước

Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là tại các khu công nghiệp và đô thị. Tại các thành phố lớn, lượng nước thải chưa qua xử lý của hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nguồn nước. Ở khu vực nông thôn, tình trạng ô nhiễm nguồn nước cũng không ngừng gia tăng. Bên cạnh đó, việc lạm dụng các chất bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp dẫn đến các nguồn nước ở sông, hồ, kênh, mương bị ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và sức khỏe của con người. Nhằm bắt được vấn đề này, để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích CB-CNV sử dụng tiết kiệm nước.

Về xã hội

Chính sách liên quan đến người lao động

Tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Ngoài ra, chính sách với người lao động luôn được ban lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc, đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động theo “Thỏa ước lao động tập thể” hàng năm đã được ký kết giữa chính quyền với Công đoàn. Kết quả là thu nhập bình quân của CB.CNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao.

VST luôn đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, có việc làm ổn định, được công ty mua BHXH, BHYT, BHTN và bảo hiểm tai nạn đầy đủ theo quy định của pháp luật. Các chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật được công ty chăm lo đầy đủ cho người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn phối hợp với Công đoàn tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn cho những người lao động ốm đau, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn. Trong năm, công ty đã thực hiện đào tạo cấp chứng chỉ nghề, thi nâng bậc cho công nhân, đào tạo huấn luyện An toàn lao động, phong cháy chữa cháy và sơ cấp cứu cho toàn bộ công nhân. Đồng thời, chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động bằng hiện vật, tổ chức các hoạt động ngoài trời để tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đi song song với chính sách phúc lợi cho CB.CNV của mình thì công tác xã hội, cộng đồng cũng được VST chú trọng và thực hiện tốt: Hàng năm công ty trích một phần kinh phí từ quỹ phúc lợi và vận động toàn thể CBCNV trích một khoản tiền lương để lập quỹ ủng hộ cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ quỹ vì người nghèo; ủng hộ thiên tai bão lụt miền Trung, hỗ trợ cho công nhân viên công ty có nhà ở trong vùng bị bão lũ..v.v



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty đảm bảo SXKD hiệu quả, tập trung tối đa phát triển chiều sâu để nâng cao khả năng cạnh tranh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động. Tiếp tục củng cố kiện toàn 2 xưởng may, nghiên cứu áp dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất. Tập trung phát triển sản phẩm chủ đạo của Công ty veston nam.

Công ty luôn cố gắng nâng cao uy tín và thương hiệu đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước, nhằm xây dựng Thương hiệu CTCP 28.1 trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực may mặc.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Với những kết quả đạt được trong năm qua, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực phối hợp thực hiện chặt chẽ, hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty được thực hiện một cách tốt nhất, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban giám đốc và bộ máy giúp việc.

Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên, liên tục kiểm tra các hoạt động về công tác tài chính, kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị trực thuộc. Đồng thời, xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kiểm soát các chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Luôn kiểm tra về chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đồng thời đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, kiểm tra năng suất và kết quả kinh doanh. Luôn thực hiện tốt các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	KH 2019/ TH 2019
Tổng doanh thu, trong đó:	Tr. d	391.285	412.000	7,34%
Doanh thu hàng xuất khẩu	Tr. d	349.156	381.550	9,28%
Doanh thu hàng kinh tế	Tr. d	37.274	27.950	(25%)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tr. d	1.792	900	(49,78%)
Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. d	2.349	1.600	(31,89%)
Thu nhập khác	Tr. d	714	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Tr. d	10.581	11.200	5,85%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. d	8.465	8.960	5,85%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng Doanh thu	%	2,7%	2,72%	0,74
Cổ tức	%	14%	15%	7,14%

Năm 2018, chỉ ký thỏa thuận được với khách hàng OSAYX, hai khách hàng chính là UK và IPU không thể ký Thỏa thuận về nguồn hàng năm 2019. Đánh giá tình hình năm 2019 tiếp tục còn nhiều khó khăn, nguồn hàng không ổn định, phải làm việc với nhiều khách hàng để nhận hàng, sản phẩm sẽ nhiều chủng loại, tính chất mặt hàng khác nhau cần phải thật sự linh hoạt trong quá trình triển khai sx và nghiên cứu kỹ sản phẩm trước khi sx đại trà.



Trong bối cảnh đó HĐQT dự kiến đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2019 như sau:

Tăng cường công tác dự báo, định hướng nguồn hàng, khách, hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững, Tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát của Công ty theo định hướng chiến lược hoạt động SXKD của Công ty.
- Đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty; Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 được ĐHCĐ thường niên thông qua.
- Định kỳ tổ chức các phiên họp tối thiểu 3 tháng một lần, tổ chức các cuộc họp bất thường (nếu có) để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, HĐQT sẽ nghe báo cáo tổng quát về việc thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của Công ty, thảo luận và quyết định thông qua các biện pháp, giải quyết các vấn đề phát sinh của Công ty.

Trên cơ sở Quyết nghị của ĐHCĐ ngày hôm sau, HĐQT sẽ tiếp tục cụ thể hoá Nghị quyết thành các mục tiêu, kế hoạch theo quý, theo 6 tháng, đồng thời, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019.

Năm 2019, HĐQT sẽ nỗ lực cùng Ban giám đốc Công ty, người lao động tận dụng những thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn thách thức để giữ vững sự phát triển bền vững của Công ty, thực hiện tốt các chỉ tiêu do ĐHCĐ đề ra. Đồng thời HĐQT mong nhận được sự tin tưởng, gắn bó và đồng thuận của Quý cổ đông trong các hoạt động của Công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã có 05 cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch	05/05	100%
2	Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch	05/05	100%
3	Nguyễn Vinh Long	Thành viên	05/05	100%
4	Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên	05/05	100%
5	Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	05/05	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	Biên bản	27/04/2018	<p>Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần 28.1. 100% các thành viên trong Hội đồng Quản trị nhất trí bầu đồng chí Nguyễn Quyết Thắng làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần 28,1.</p> <ul style="list-style-type: none"> Xem xét phương án đầu tư MMTB theo kế hoạch và bổ sung năm 2018. Giao cho Ban giám đốc Công ty CP 28.1 giải trình rõ các loại MMTB cần đầu tư đã có trong kế hoạch, ioại MMTB cần đầu tư bổ sung ngoài kế hoạch, khảo sát giá và chủng loại mới phù hợp với nhu cầu thực tế. Phương án đầu tư cần khảo sát chủng loại máy mới nhất, phù hợp khả năng tài chính, phù hợp nhu cầu thực tế tại thời điểm đầu tư.
2	Biên bản	15/6/2018	<ul style="list-style-type: none"> Các loại máy đầu tư mới thay thế máy cũ cần có đề xuất thanh lý MMTB cũ kết hợp trong phương án đầu tư. Khảo sát các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty đang đầu tư, nghiên cứu phương án đầu tư hệ thống báo cháy và nước thải sinh hoạt, tách phần đầu tư khu vệ sinh riêng, trình Tổng công ty duyệt lại nếu kinh phí phát sinh cao hơn kế hoạch đã được phê duyệt từ đầu năm,100% nhất trí với các nội dung trên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
3	Biên bản	01/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh kế hoạch năm 2018; chuẩn bị XDKH năm 2019 • Định hình lại khách hàng, nguồn hàng năm 2019, Khách hàng ITC thực sự hiện đang thiếu hàng, cần tìm khách hàng mới do dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt nam. • Chuẩn bị đầu tư MMTB năm 2019 phải dự kiến trước để đầu tư cho năm 2019. Tìm hiểu, thăm quan các đơn vị để đầu tư các thiết bị tự động hóa, • Nghiên cứu mặt bằng kho, xe nâng, bốc xếp... • Xem lại mô hình tổ chức, định biên... giảm 1 s5 bộ phận không cần thiết, báo cáo TGD tinh gọn bộ máy. Xem lại MQH giữa LEAN và kỹ thuật • Đào tạo tiếng Anh chuyên ngành cho ngành uiay trường Trần Quốc Thảo, đào tạo kết nối, team work, team building,,, • Chính sách cho cán bộ xem lại trong Quý IV, thi đua T10 đạt được thì tổ chức cho đi nước ngoài. • Sau triển khai nhiệm vụ tổ chức cho chuyên trưởng, cán bộ liên hoan tại Nhà ăn. Tăng cường động viên tinh thần cán bộ, các đơn vị.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
4	Biên bản	16/10/2018.	<ul style="list-style-type: none"> • Tập trung vào tăng NSLĐ, vì ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập NLD, tính toán lại chút công nghệ, trả lương đơn giá hiệu quả hơn. • GTGCCB nên có họp KT, KH, Xưởng, LEAN phân tích các yếu tố ảnh hưởng, tập trung Quý I và Quý II, lao động ảnh hưởng, có chính sách bù lương thời gian nghỉ Tết. • Xây dựng lại KH 2019 với điều kiện sx hàng Nhật gia công, giảm doanh thu 14 tỷ đồng, giảm rủi ro trong hạch toán và nghiệp vụ KH. • Xem lại KH đầu tư: Rà soát lại MMTB tự động tăng NS, rà soát lại nhu cầu và mặt hàng để đầu tư cho đúng. Nhà kho và xe nâng: kiểm tra lại diện tích khai thác, hiệu quả sử dụng. Phân tích, quy hoạch lại mặt bằng. • Rà soát lại toàn bộ phương án lương để có thể thúc đẩy NLD. cần tái cấu trúc lại, xem lại định biên, mạnh dạn thay đổi, giảm gián tiếp. • Tập trung cơ cầu khách hàng, nguồn hàng. Hàng UK định mức cao, giá đắt nên khách chuyển hàng đi nơi khác. • Cắt giảm chi phí, do năng lực, giao NS hàng ngày, tổ chức tốt đào tạo nội bộ, ổn định tâm lý NLD.



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
5	Biên bản	01/10/2018	<p>Báo cáo kết quả thực hiện Quý I, triển khai nhiệm vụ Quý 1/2019, chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông, thay đổi nhân sự.</p> <ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị các thủ tục pháp lý liên quan đến thay đổi nhân sự Giám đốc Công ty. <ol style="list-style-type: none"> Đ/c Trần Doãn Thoan nhận nhiệm vụ tại đơn vị mới. Giới thiệu đồng chí Nguyễn Thanh Huyền ứng cử vị trí Giám đốc Công ty mới. HDQT nhất trí thống nhất đ/c Huyền thay đ/c Thoan nhận vị trí Giám đốc Công ty. Chuẩn bị phân công lại nhiệm vụ trong Ban giám đốc. Phương án lương 2019 tạm thời thực hiện theo phương án cũ, Giám đốc mới sẽ có sự nghiên cứu xây dựng lại sau. <ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị nhân sự PPKH khi đ/c Nguyễn Thiện chuyển đi đơn vị khác, <ol style="list-style-type: none"> HDQT sau khi phân tích các chức năng nhiệm vụ của vị trí cần bổ nhiệm, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, thống nhất như đề xuất của Đảng ủy Công ty giới thiệu đ/c Hưng Cận đối làm PPKH. <ul style="list-style-type: none"> Bàn giao số liệu đến 31/12/2018, công tác dở dang Quý 1/2019. <ol style="list-style-type: none"> Phòng KH, TCKT chuẩn bị các nội dung bàn giao như yêu cầu. Hoàn thiện thủ tục chuyển đổi người đại diện Công ty. <ul style="list-style-type: none"> Dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông ngày 7/4/2019. <ol style="list-style-type: none"> Đăng ký thời gian Đại hội và đã được phê duyệt.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên HDQT có chứng chỉ về quản trị công ty: Không có

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng ban	04/04	100%
2	Ông Lê Văn Thanh	Thành viên	04/04	100%
3	Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên	04/04	100%

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với nội dung như sau:
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.
- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty; Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn có mục đích và hiệu quả; Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị và điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương trong việc tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông, Trong quá trình kiểm tra, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, công tác quản lý và một số công tác khác của Công ty.
- Đối với cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng
I	Hội đồng quản trị		62.580.000	175.000.000
1	Nguyễn Quyết Thắng		9.720.000	
2	Đỗ Tuấn Anh		4.860.000	40.000.000
3	Trần Doãn Thoan		12.000.000	40.000.000
4	Nguyễn Vĩnh Long		12.000.000	35.000.000
5	Nguyễn Thị Hồng Trang	250.333.501	12.000.000	30.000.000
6	Nguyễn Hữu Phước		12.000.000	30.000.000
II	Ban kiểm soát		24.000.000	20.000.000
1	Lữ Công Thịnh		12.000.000	10.000.000
2	Nguyễn Văn Kiên			5.000.000
3	Nguyễn Thanh Định		6.000.000	
4	Trần Thị Lê			5.000.000
5	Lê Văn Thanh		6.000.000	
III	Ban điều hành	1.506.600.000		15.000.000
1	Trần Doãn Thoan	421.200.000		
2	Nguyễn Vĩnh Long	372.600.000		
3	Nguyễn Thị Thanh Thúy	372.600.000		15.000.000
4	Nguyễn Hữu Phước	340.200.000		

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện quy định về quản trị Công ty: Việc quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt mà Công ty cho rằng phù hợp với tình hình thực tiễn của mình.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 1056/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2017, với mã chứng khoán là AG1 và ngày 10/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên thị trường Upcom.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ông Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ông Lê Văn Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018
Bà Trần Thị Lê	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Trần Doãn Thoan

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019



Số: 220319.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 được lập ngày 21 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

15-
HÁ
YT
EM
SC
HỒ

06.C.T.
NH
HH
TOÁN
CHÍ MINH

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 03 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Trần Trung Hiếu
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố
Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		113.055.614.179	110.335.551.455
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.765.424.144	3.457.758.515
111	1. Tiền		3.765.424.144	3.457.758.515
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.801.636.773	32.146.698.087
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	30.084.802.436	29.303.887.455
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	620.769.268	2.832.316.361
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.096.065.069	10.494.271
140	IV. Hàng tồn kho	7	76.896.385.992	69.993.771.646
141	1. Hàng tồn kho		76.896.385.992	69.993.771.646
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		592.167.270	4.737.323.207
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	1.090.390.352
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		592.167.270	3.646.932.855
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.596.250.117	37.036.481.967
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		40.000.000	70.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	40.000.000	70.000.000
220	II. Tài sản cố định		32.556.250.117	36.966.481.967
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	32.556.250.117	36.966.481.967
222	- Nguyên giá		85.544.992.716	83.089.463.672
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.988.742.599)	(46.122.981.705)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		145.651.864.296	147.372.033.422

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		88.648.980.674	97.648.768.160
310	I. Nợ ngắn hạn		88.548.980.674	97.543.768.160
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	24.297.143.558	40.563.139.334
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	-	184.410.597
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	787.060.727	508.744.656
314	4. Phải trả người lao động		18.518.805.961	15.479.753.936
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	50.000.000	136.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.196.784.012	10.832.568.139
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	41.548.012.180	26.760.668.500
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.151.174.236	3.078.482.998
330	II. Nợ dài hạn		100.000.000	105.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	100.000.000	105.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		57.002.883.622	49.723.265.262
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	57.002.883.622	49.723.265.262
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		48.633.860.000	48.633.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		48.633.860.000	48.633.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.135.257.619	627.377.268
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.233.766.003	462.027.994
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		462.027.994	62.704.503
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.771.738.009	399.323.491
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		145.651.864.296	147.372.033.422



Nguyễn Văn Kiên
Người lập

Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng

Trần Doãn Thoan
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	388.222.166.590	462.826.884.898
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		388.222.166.590	462.826.884.898
11	4. Giá vốn hàng bán	18	340.953.634.820	418.902.298.207
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.268.531.770	43.924.586.691
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2.349.243.676	2.630.876.687
22	7. Chi phí tài chính	20	2.352.919.392	2.062.332.717
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		956.141.100	1.109.772.276
25	8. Chi phí bán hàng	21	3.241.175.824	4.198.807.420
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	34.156.353.175	29.883.763.838
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.867.327.055	10.410.559.403
31	11. Thu nhập khác	23	713.513.584	92.136.364
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		713.513.584	92.136.364
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.580.840.639	10.502.695.767
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	2.116.168.128	2.100.539.153
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.464.672.511	8.402.156.614
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.497	1.486



Nguyễn Văn Kiên
Người lập

Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng

Trần Doãn Thoan
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.580.840.639	10.502.695.767
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.923.425.993	6.475.425.506
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(44.640.280)	41.674.513
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(62.722.167)	(24.545.455)
06	- Chi phí lãi vay		956.141.100	1.109.772.276
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.353.045.285	18.105.022.607
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.317.329.454	(5.453.606.572)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.902.614.346)	21.228.073.644
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(16.826.016.468)	(24.177.575.727)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.090.390.352	1.090.390.352
14	- Tiền lãi vay đã trả		(956.141.100)	(1.109.772.276)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.841.403.031)	(2.136.405.560)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.112.362.913)	(1.609.595.248)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.877.772.767)	5.936.531.220
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.518.362.377)	(1.713.858.622)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		61.181.818	24.545.455
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.708.583	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.450.471.976)	(1.689.313.167)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		97.859.214.071	85.779.350.191
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(82.889.067.866)	(108.448.857.767)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.322.401.800)	(553.210.158)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.647.744.405	(23.222.717.734)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		319.499.662	(18.975.499.681)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.457.758.515	22.433.258.196

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11.834.033)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	3.765.424.144	3.457.758.515

Suy
Nguyễn Văn Kiên
Người lập

Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng

Trần Doãn Thoan
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 29 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 48.633.860.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 48.633.860.000 đồng; tương đương 4.863.386 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 1056/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2017, với mã chứng khoán là AG1 và ngày 10/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên thị trường Upcom.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại sản phẩm may mặc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tủy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu hàng may mặc.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08	năm
- Tài sản cố định khác	02 - 03	năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê kho được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khên thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	103.054	53.324.577
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.765.321.090	3.404.433.938
	3.765.424.144	3.457.758.515

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Itochu Prominent USA LLC	22.522.966.739	-	25.312.430.044	-
Prominent (Europe) Ltd	4.535.560.964	-	3.040.417.963	-
Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam	2.693.819.163	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	332.455.570	-	951.039.448	-
	30.084.802.436	-	29.303.887.455	-

Trong đó:

Giá trị ghi sổ của khoản nợ phải thu khách hàng dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm: 30.084.802.436 đồng.

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	22.800.000	-	-	-
--	-------------------	----------	----------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Credit Agricole Leasing & Factoring Sa	-	-	1.609.180.251	-
Hangzhou Sanyue Textile Co.,Ltd	-	-	340.057.388	-
Anwise Corporation	253.088.084	-	190.300.229	-
Lord Fabrics Limited	-	-	207.025.820	-
Banswara Syntex Limited	-	-	188.345.676	-
Cervotessile Textile (Shenyang) Co., Ltd	249.093.420	-	-	-
Các đối tượng khác	118.587.764	-	297.406.997	-
	620.769.268	-	2.832.316.361	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	7.332.073	-	-	-
Tạm ứng	-	-	2.821.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Phải thu Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.067.666.496	-	-	-
Phải thu khác	21.066.500	-	7.673.271	-
	1.096.065.069	-	10.494.271	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	70.000.000	-
	40.000.000	-	70.000.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	1.067.666.496	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.845.171.046	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	20.887.525.748	-	26.679.135.511	-
Công cụ, dụng cụ	60.706.252	-	338.098.154	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.972.002.790	-	8.309.028.625	-
Thành phẩm	48.130.980.156	-	34.667.509.356	-
	76.896.385.992	-	69.993.771.646	-

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm: 76.896.385.992 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	25.104.671.444	53.087.399.959	1.578.583.890	340.536
- Mua trong năm	1.652.469.727	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.365.892.650	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(62.833.333)	-	-
- Giảm do được hỗ trợ từ Công ty mẹ	(500.000.000)	-	-	-
Số dư cuối năm	26.257.141.171	54.390.459.276	1.578.583.890	340.536
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	16.278.152.569	26.427.928.242	1.057.462.822	288.196
- Khấu hao trong năm	546.879.228	5.906.046.351	138.530.146	29.908
- Thanh lý, nhượng bán	-	(57.665.099)	-	-
Số dư cuối năm	16.825.031.797	32.276.309.494	1.195.992.968	318.104
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	8.826.518.875	26.659.471.717	521.121.068	52.335
Tại ngày cuối năm	9.432.109.374	22.114.149.782	382.590.922	22.431

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.462.616.921 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Prominent (Europe) Ltd	11.485.855.492	11.485.855.492	19.264.287.426	19.264.287.426
Itochu Corporation	3.876.789.397	3.876.789.397	10.761.707.781	10.761.707.781
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	-	-	1.673.903.000	1.673.903.000
Công ty TNHH Thiết bị may Tín Hùng	78.991.127	78.991.127	1.612.281.440	1.612.281.440
Công ty TNHH Xây Dựng An Đông	1.049.605.423	1.049.605.423	944.932.228	944.932.228
Phải trả các đối tượng khác	7.805.902.119	7.805.902.119	6.306.027.459	6.306.027.459
	24.297.143.558	24.297.143.558	40.563.139.334	40.563.139.334
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	-	-	896.742.358	896.742.358

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP đầu tư K&G Việt Nam	-	184.410.597
	-	184.410.597

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp tr
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.851.482.427	1.851.482
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	246.868.442	246.868
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	488.510.995	2.116.168.128	1.841.403
Thuế Thu nhập cá nhân	-	20.233.661	235.030.359	231.479
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000
	-	508.744.656	4.452.549.356	4.174.233

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại g cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Trích trước chi phí sửa chữa tài sản	-	86.000.000
- Chi phí phải trả khác	50.000.000	50.000.000
	50.000.000	136.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	536.650.364	554.793.576
- Bảo hiểm xã hội	-	36.553.859
- Bảo hiểm y tế	-	6.450.681
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.866.969
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	6.322.401.800
- Phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	3.094.706.961
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	617.133.648	814.794.293
	1.196.784.012	10.832.568.139
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	105.000.000
	100.000.000	105.000.000
c) Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	-	7.204.268.261



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	23.510.668.500	23.510.668.500	97.859.214.071	79.821.870
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (*)	23.510.668.500	23.510.668.500	97.859.214.071	79.821.870
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.250.000.000	3.250.000.000	-	3.250.000
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.250.000.000	3.250.000.000	-	3.250.000
	26.760.668.500	26.760.668.500	97.859.214.071	83.071.870
b) Vay dài hạn				
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.250.000.000	3.250.000.000	-	3.250.000
	3.250.000.000	3.250.000.000	-	3.250.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.250.000.000)	(3.250.000.000)	-	(3.250.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-

23

CHỖ TỌA NH NH

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

- (*) Hợp đồng cấp tín dụng số 23364.18.201.150496.TD ngày 05/07/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc;
 - + Thời hạn của các Khoản tín dụng trong hạn mức: Không quá 05 tháng từ ngày giải ngân theo từng Kế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng kế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.786.243 USD, tương đương 41.548.012.180 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp toàn bộ hàng tồn kho và quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2018		01/01/2018	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 (*)	-	-	3.250.000.000	-
	-	-	3.250.000.000	-

Mối quan hệ:

(*) Công ty mẹ

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	48.633.860.000	123.247.871	62.704.503	48.819.812.374
Lãi trong năm trước	-	-	8.402.156.614	8.402.156.614
Chia cổ tức	-	-	(6.322.401.800)	(6.322.401.800)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	504.129.397	(504.129.397)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.176.301.926)	(1.176.301.926)
Số dư cuối năm trước	48.633.860.000	627.377.268	462.027.994	49.723.265.262
Số dư đầu năm nay	48.633.860.000	627.377.268	462.027.994	49.723.265.262
Lãi trong năm nay	-	-	8.464.672.511	8.464.672.511
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	507.880.351	(507.880.351)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.185.054.151)	(1.185.054.151)
Số dư cuối năm nay	48.633.860.000	1.135.257.619	7.233.766.003	57.002.883.622

24

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 theo kế hoạch đã được Đại hội Cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 27 tháng 4 năm 2018:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.464.672.511
Trích Quỹ đầu tư phát triển	6,00%	507.880.351
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,00%	1.185.054.151
Lợi nhuận chưa phân phối	80,00%	6.771.738.009

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	65,00%	31.612.010.000	65,00%	31.612.010.000
Các cổ đông khác	35,00%	17.021.850.000	35,00%	17.021.850.000
	100%	48.633.860.000	100%	48.633.860.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	48.633.860.000	48.633.860.000
- Vốn góp cuối năm	48.633.860.000	48.633.860.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	6.322.401.800	1.580.600.483
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	6.322.401.800
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	6.322.401.800
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(6.322.401.800)	(1.580.600.483)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(6.322.401.800)	(1.580.600.483)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	6.322.401.800

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.135.257.619	627.377.268
	1.135.257.619	627.377.268

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2018, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.151.834.112	1.001.594.880
	1.151.834.112	1.001.594.880

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký thỏa thuận thuê số 01 về việc thanh toán tiền sử dụng đất tại số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2017. Diện tích khu đất thuê là 16.169,3 m². Theo thỏa thuận này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Tài sản nhận giữ hộ

	ĐVT m ²	31/12/2018	01/01/2018
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công:		8.370,89	-

d) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	157.787,11	128.708,29

e) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH May mặc S.M	6.308.051.602	6.308.051.602

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hàng xuất khẩu	349.156.105.966	447.169.234.328
Doanh thu hàng kinh tế	37.273.944.114	14.222.728.357
Doanh thu dịch vụ khác	1.792.116.510	1.434.922.213
	388.222.166.590	462.826.884.898
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	3.531.129.982	-

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng xuất khẩu	316.171.534.196	407.698.586.799
Giá vốn hàng kinh tế	24.608.277.888	11.029.888.672
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	173.822.736	173.822.736
	340.953.634.820	418.902.298.207

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.708.583	7.505.487
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	25.348.687	9.905.018
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.272.546.126	2.613.466.182
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	44.640.280	-
	2.349.243.676	2.630.876.687

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	956.141.100	1.109.772.276
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.396.778.292	910.885.928
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	41.674.513
	2.352.919.392	2.062.332.717

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.994.786	712.395.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.287.830.014	2.627.262.498
Chi phí khác bằng tiền	810.351.024	859.149.660
	3.241.175.824	4.198.807.420

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	2.060.031.065	1.399.799.630
Chi phí nhân công	23.968.010.265	21.721.564.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.513.554	195.871.177
Thuế, phí, lệ phí	647.966.196	573.034.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.489.946.059	1.522.013.376
Chi phí khác bằng tiền	5.750.886.036	4.471.480.560
	34.156.353.175	29.883.763.838

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	56.013.584	24.545.455
Tiền hỗ trợ nhận được	651.500.000	-
Thu nhập khác	6.000.000	67.590.909
	713.513.584	92.136.364

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.580.840.639	10.502.695.767
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.580.840.639	10.502.695.767
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.116.168.128	2.100.539.153
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	(1.400.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	488.510.995	525.777.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.841.403.031)	(2.136.405.560)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	763.276.092	488.510.995

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.464.672.511	8.402.156.614
Các khoản điều chỉnh:	(1.185.054.152)	(1.176.301.926)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(1.185.054.152)	(1.176.301.926)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.279.618.359	7.225.854.688
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.863.386	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.497	1.486

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2018, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành với mức 14% Lợi nhuận sau thuế.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.032.792.265	317.243.014.018
Chi phí nhân công	100.723.188.920	98.151.481.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.923.425.993	6.475.425.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.438.520.810	23.228.555.839
Chi phí khác bằng tiền	8.359.680.796	8.809.680.410
	387.477.608.784	453.908.157.027

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.765.424.144	-	3.457.758.515	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.220.867.505	-	29.384.381.726	-
	34.986.291.649	-	32.842.140.241	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			41.548.012.180	26.760.668.500
Phải trả người bán, phải trả khác			25.593.927.570	51.500.707.473
Chi phí phải trả			50.000.000	136.000.000
			67.191.939.750	78.397.375.973

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.765.424.144	-	-	3.765.424.144
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.180.867.505	40.000.000	-	31.220.867.505
	34.946.291.649	40.000.000	-	34.986.291.649
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.457.758.515	-	-	3.457.758.515
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.314.381.726	70.000.000	-	29.384.381.726
	32.772.140.241	70.000.000	-	32.842.140.241

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	41.548.012.180	-	-	41.548.012.180
Phải trả người bán, phải trả khác	25.493.927.570	100.000.000	-	25.593.927.570
Chi phí phải trả	50.000.000	-	-	50.000.000
	67.091.939.750	100.000.000	-	67.191.939.750

Tại ngày 01/01/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Vay và nợ	26.760.668.500	-	-	26.760.668.500
Phải trả người bán, phải trả khác	51.395.707.473	105.000.000	-	51.500.707.473
Chi phí phải trả	136.000.000	-	-	136.000.000
	<u>78.292.375.973</u>	<u>105.000.000</u>	<u>-</u>	<u>78.397.375.973</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	97.859.214.071	85.779.350.191

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	82.889.067.866	108.448.857.767

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	349.156.105.966	39.066.060.624	388.222.166.590
Tài sản bộ phận	141.489.524.494	4.162.339.802	145.651.864.296
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.018.362.377	-	3.018.362.377

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bình Phú	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Cùng công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 14.)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.531.129.982	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.485.053.000	-
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	20.727.273	-
Công ty Cổ phần Bình Phú	25.349.709	-
Chi phí gia công	3.653.208.247	295.439.000
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	84.699.655	-
Công ty Cổ phần Bình Phú	223.508.000	295.439.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.326.999.786	-
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	18.000.806	-
Thu nhập bán tài sản	9.181.818	-
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	3.272.727	-
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	5.909.091	-
Tiền thuê đất	968.605.747	968.605.747
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	968.605.747	968.605.747
Chi cổ tức	4.109.561.300	4.109.561.300
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.109.561.300	4.109.561.300
Chi phí lãi vay	108.333.330	339.431.705
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	108.333.330	339.431.705

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng	22.800.000	-
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	22.800.000	-
Phải thu khác	1.067.666.496	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.067.666.496	-
Phải trả người bán ngắn hạn	-	896.742.358
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	896.742.358
Phải trả khác	-	7.204.268.261
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	7.204.268.261

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	421.200.000	421.200.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.085.400.000	899.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.



Nguyễn Văn Kiên
Người lập

Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng

Trần Doãn Thoan
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

TP.HCM, ngày 16 tháng 4 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Huyền